TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2024/DS-ST
Ngày 24-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Nguyễn Hồng Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: số 266-268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: số 278 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T, sinh năm: 1971; Địa chỉ ĐKTT: 862/123 đường L, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: số 278 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đức H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 293 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 12 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Trần Gia T làm đại diện trình bày:

Ngày 22/11/2018 bà Nguyễn Thị Đức H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất
Ladies First	486265-2491	50.000.000	22/11/2018	2.766%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.466.263 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 150.862.295 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 49.393.083 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/9/2024 cụ thể là:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Ladies First	486265-2491	49.393.083	41.738.021	4,149% (2,766% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên

bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Quý Tòa giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Đức H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 91.131.104 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 49.393.083 đồng, Lãi quá hạn là 41.738.021 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đức H đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử.

[3] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 22/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Đức H; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng gồm các điều khoản chính sau: Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng Ladies First, số thẻ 486265-2491, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.766%%/tháng. Từ ngày 23/9/2022 bà Nguyễn Thị Đức H đã không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng TMCP S. Đến ngày 23/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với bà Nguyễn Thị Đức H tại thời điểm đó 49.393.083 đồng, kèm theo tiền lãi phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi. Tòa án xác

định các tình tiết trên là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 22/11/2018; Kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tính từ ngày 23/9/2022 cho đến nay bà Nguyễn Thị Đức H đã không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

Do đó Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đức H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 91.131.104 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 49.393.083 đồng, Lãi quá hạn là 41.738.021 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đức H phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 91.131.104 (Chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn một trăm lẻ bốn) đồng; Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 22/11/2018; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trong đó: Nợ gốc là 49.393.083 (Bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba ngàn không trăm tám mươi ba) đồng, Lãi quá hạn là 41.738.021 (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm ba tám ngàn không trăm hai mươi mốt) đồng tính đến ngày 24/9/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Đức Hcòn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Đức H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đức H phải chịu là 4.556.555 (Bốn triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi lăm) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.789.854 (Một triệu bảy trăm tám chín ngàn tám trăm năm mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0028128 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn